

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2024
V/v tranh chấp “Ly hôn
và con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Hồng Vân;
- Ông Nguyễn Văn Tèo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐXXST-HN ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Bình T1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà A, tổ F, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Bình T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Lê Trúc A, sinh ngày 25/12/2022, hiện chị đang nuôi dưỡng.

Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, do cả hai đều độc lập về kinh tế, thu nhập của mỗi người tự quản lý và chi tiêu, không chăm lo cho vợ con, không phụ giúp kinh tế gia đình, chị khuyên nhủ và góp ý nhiều lần nhưng anh **T1** vẫn không thay đổi từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị về nhà mẹ ruột ở và anh chị sống ly thân từ tháng 2 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh **T1** có đến thăm con 2-3 lần và có phụ tiền nuôi dưỡng, lúc đầu anh **T1** có năn nỉ hàn gắn gia đình nhưng từ Tết nguyên đán năm 2024 đến nay anh **T1** không đến thăm và cách đây khoảng 03 tháng cả hai không còn liên lạc với nhau nữa. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **T1**.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị **T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh **Nguyễn Bình T1** trình bày: Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **T1** vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lê Thị T** đối với anh **Nguyễn Bình T1**; Con chung, giao cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Lê Trúc A**, sinh ngày 25/12/2022, anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu; Tài sản, chị **T** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Nợ chung, chị **T** khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Lê Thị T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh anh **Nguyễn Bình T1** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Bình T1 kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thì thấy rằng: Anh chị chung sống vào năm 2022, trong thời gian sống chung anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T1 không chăm lo phụ giúp kinh tế gia đình, chị T đã khuyên nhủ và góp ý nhiều lần nhưng anh T1 vẫn không thay đổi và trong thời gian sống ly thân chị T và anh T1 không ai quan tâm chăm sóc đến ai và trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt chứng tỏ anh T1 không có thiện chí đoàn tụ. Do đó, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Lê Trúc A, sinh ngày 25/12/2022, anh T1 không có ý kiến. Xét thấy, cháu Trúc A dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử cần giao con cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Lê Thị T** với anh **Nguyễn Bình T1**. Chị **T** được ly hôn với anh **T1**.

2. Về con chung: Giao cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Lê Trúc A**, sinh ngày 25/12/2022. Anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu.

Anh **T1** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị **T** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **T** khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị **Lê Thị T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012237 ngày 03-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận chị **T** đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Thuận (Số 15/2022);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui